

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23/4/2021

V/v: Tranh chấp về HNGĐ giữa chị Nga
và anh Tú.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Long, ông Nghiêm Đình Ché.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa: Bà Ngô Phương Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2021/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1991 (có mặt).

Trú tại: Đông Yên, Đông Phong, Yên Phong, Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Tú, sinh năm 1985 (có mặt).

Quê quán: An Thịnh, Nghĩa Thái, Nghĩa Hưng, Nam Định.

Hiện trú tại: Đông Yên, Đông Phong, Yên Phong, Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2021 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Nga trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Văn Tú ngày 14/6/2013 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Phong, huyện Yên Phong. Cưới xong vợ chồng sống với bố mẹ chị tại thôn Đông Yên, xã Đông Phong, huyện Yên Phong.

Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, sống không có tình cảm, anh Tú không quan tâm đến gia đình, đối xử lạnh nhạt với vợ con, kinh tế riêng biệt từ năm 2015. Do được gia đình hoà giải nên vợ chồng lại hàn gắn tình cảm. Năm 2017 chị sinh con thứ 2. Năm 2018 vợ chồng mua 01 xe ô tô Vios để anh Tú chạy taxi. Tuy nhiên tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, mâu thuẫn vợ chồng càng căng thẳng. Mặc dù sống chung nhà

nhưng vợ chồng không nói chuyện được với nhau, mỗi người một giường từ năm 2018, kinh tế riêng biệt. Tháng 10/2020 anh Tú chuyển ra ngoài thuê trọ ở cho đến nay. Chị xác định không chung sống với anh Tú được vì không còn tình cảm, chị đề nghị được ly hôn với anh Tú.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Phương Anh, sinh ngày 03/02/2014 và Phạm Xuân Trường, sinh ngày 28/9/2017, hiện chị đang nuôi cả 2 con. Khi ly hôn chị đề nghị tiếp tục được nuôi cả 2 nuôi con, không yêu cầu anh Tú cấp dưỡng nuôi con. Chị làm đồ ăn kinh doanh tại nhà, thu nhập trung bình khoảng 30.000.000đ/tháng, do vậy chị có thời gian và điều kiện chăm sóc con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 xe ô tô hiệu Toyota Vios, BKS: 99A-247.85 đang ký mang tên chị, hiện anh Tú là người sử dụng xe. Nay ly hôn chị yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng có vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong 250.000.000đ thời hạn 5 năm để mua xe ô tô. Anh Tú là người trả tiền cho Ngân hàng, hiện còn nợ bao nhiêu chị cũng không biết. Nay ly hôn chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Phạm Văn Tú trình bày: Anh xác nhận một phần lời khai của chị Nga về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến tháng 7/2018 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp, quan điểm bất đồng, không thống nhất với nhau về việc nuôi dạy con, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mặc dù sống chung nhưng vợ chồng không nói chuyện với nhau, kinh tế riêng biệt. Vì sống với nhau căng thẳng nên anh đã tự dọn ra ngoài thuê nhà ở riêng từ tháng 10/2020 đến nay. Chị Nga xin ly hôn, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung như chị Nga trình bày, hiện chị Nga đang nuôi 2 con. Khi ly hôn anh xin nuôi cả 2 nuôi con, nếu không được thì anh xin nuôi cháu Trường, anh không yêu cầu chị Nga cấp dưỡng nuôi con. Anh lái xe taxi kinh doanh dịch vụ chở khách, thu nhập trung bình từ 10 triệu đến 15 triệu đồng/tháng, do vậy có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 xe ô tô hiệu Toyota Vios, BKS: 99A-247.85 đang ký mang tên chị Nga, hiện anh là người sử dụng xe. Nay ly hôn chị Nga yêu cầu Toà án giải quyết thì anh cũng đồng ý, anh muốn hai bên thoả thuận với nhau.

Về công nợ: Vợ chồng có vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong 250.000.000đ thời hạn 5 năm để mua xe ô tô. Anh là người sử dụng xe và trả Ngân hàng. Anh đã trả Ngân hàng được một phần, hiện còn nợ khoảng 135.000.000đ. Nay ly hôn anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 28, 35, 39, 147, 246 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 33, 51, 53, 55, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nga và anh Tú.
- Về con chung: Đề nghị giao cho chị Nga được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Thị Phương Anh; giao cho anh Tú được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Xuân Trường. Việc cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu.
- Về tài sản chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự: Giao cho anh Tú được sở hữu chiếc xe ô tô hiệu Toyota Vios, BKS: 99A-247.85, anh Tú trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong, nhưng anh Tú phải có nghĩa vụ trích trả chênh lệch tài sản cho chị Nga số tiền 121.000.000đ.
- Về công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Nga yêu cầu xin ly hôn anh Phạm Văn Tú, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình và Tòa án nhân dân huyện Yên Phong đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, điều 28; điều 35; điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Nga kết hôn với anh Tú ngày 14/6/2013, đã tuân đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống cả hai đương sự đều thừa nhận vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mặc dù sống chung nhà nhưng không ai quan tâm tới ai, kinh tế riêng biệt từ năm 2018. Tháng 10/2020 anh Tú đã dọn ra ngoài ở thuê, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chị Nga vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Anh Tú cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thoả thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Thị Phương Anh, sinh ngày 03/02/2014 và Phạm Xuân Trường, sinh ngày 28/9/2017. Khi ly hôn cả hai đương sự đều xin nuôi cả 2 nuôi con.

Xét thấy hiện nay chị Nga đang nuôi cả 2 con, cháu Phương Anh cũng có nguyện vọng được ở với mẹ do vậy cần chấp nhận yêu cầu của cháu Phương Anh.

Đối với cháu Trường hiện được 3 tuổi rưỡi, cháu vẫn ở với mẹ từ nhỏ đến nay nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Mặt khác, hiện chị Nga đang có chỗ ở ổn định, chị Nga kinh doanh hàng ăn vặt tại nhà nên có thời gian và điều kiện chăm sóc con chung.

Anh Tú hiện đang ở nhà thuê, anh Tú làm nghề lái xe taxi dịch vụ chở khách, do đặc thù công việc nên không có thời gian và điều kiện chăm sóc con chung.

Từ những phân tích ở trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Nga, giao cho chị Nga được nuôi dưỡng, chăm sóc 2 con chung. Chị Nga không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Anh Tú có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 xe ô tô hiệu Toyota Vios, BKS: 99A-247.85 đang ký mang tên chị Nga. Quá trình giải quyết tại Toà án, hai bên đã tự xác định chiếc xe ô tô trị giá 380.000.000đ, tự thoả thuận với nhau và đề nghị Toà án ghi nhận anh Tú sở hữu chiếc xe ô tô và trích trả cho chị Nga số tiền 190.000.000đ chênh lệch tài sản, chị Nga đồng ý. Xét sự thoả thuận của các đương sự là tự nguyện và phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

Về công nợ: Ngày 20/9/2018 vợ chồng chị Nga, anh Tú có vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong 256.000.000đ thời hạn vay 5 năm, mục đích để mua xe ô tô và thanh toán bảo hiểm khoản vay. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là chiếc xe ô tô hiệu Toyota Vios E, BKS: 99A-247.85. Tính đến ngày 25/3/2021 còn nợ 136.766.657đ.

Ngày 12/3/2021 Toà án đã gửi văn bản đề nghị Ngân hàng TMCP Tiên Phong có quan điểm gì về khoản nợ của vợ chồng chị Nga, anh Tú.

Ngày 30/3/2021 Ngân hàng TMCP Tiên Phong đã có văn bản phúc đáp và trình bày hiện Ngân hàng và khách hàng đang tiến hành thoả thuận và chưa có yêu cầu Toà án giải quyết, do vậy không xem xét.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 51, 59, 81, 82 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ điều 235, 264, 266, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Nga và anh Phạm Văn Tú.

2. Về con chung: Giao cho chị Nga tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 2 con chung là Phạm Thị Phương Anh, sinh ngày 03/02/2014 và Phạm Xuân Trường, sinh ngày 28/9/2017. Việc cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu. Anh Tú có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thoả thuận cả các đương sự: Giao cho anh Tú được sở hữu chiếc xe ô tô hiệu Toyota Vios, BKS: 99A-247.85, nhưng anh Tú phải có nghĩa vụ trích trả cho chị Nga số tiền 190.000.000đ chênh lệch tài sản.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành án theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật thi hành án dân sự.

4. Về công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, do vậy không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nga phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 001099, ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong). Chị Nga đã nộp đủ tiền án phí.

Hoàn trả cho chị Nga 7.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 001188, ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND h. Yên Phong.
- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- THADS h. Yên Phong.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

